TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 96/2023/DS-PT
Ngày 27 – 3 – 2023
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Trung

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập

Bà Đinh Cẩm Đào

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hứa Như Nguyện - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Màu – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 400/2022/TLPT-DS ngày 27 tháng 12 năm 2022 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 65/2022/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 07/2023/QĐ-PT ngày 11 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1. Bà Dương Thanh T1, sinh năm 1956

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã Đ, huyện N, tỉnh C ..

Người đại diện theo ủy quyền của bà T1: Ông Huỳnh Hùng N3, sinh năm 1976; Địa chỉ cư trú: Ấp 7, xã T, huyện T, tỉnh C (Văn bản ủy quyền ngày 03 tháng 10 năm 2022) (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T1: Ông Nguyễn Văn Nuôi - Luật sư của Văn phòng luật sư Ánh Sáng thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Ông Huỳnh Ngọc N1 (đã chết);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông N1:

2.1. Anh Huỳnh Hùng N3, sinh năm 1976 (có mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp 7, xã T, huyện T, tỉnh C .

2.2. Anh Huỳnh Hùng V, sinh năm 1975;

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã Đ, huyện N, tỉnh C .

2.3. Chị Huỳnh Thùy T5, sinh năm 1978

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã Đ, huyện N, tỉnh C ..

Người đại diện hợp pháp của anh V, chị T5: Anh Huỳnh Hùng N3, 1976; Địa chỉ cư trú: Ấp 7, xã T, huyện T, tỉnh C (Văn bản ủy quyền ngày 03/10/2022) (có mặt).

Bị đơn:

1. Anh Quách Thanh T2(Quách Văn T2), sinh năm 1977 (có mặt);

2. Chị Nguyễn Ngọc H1, sinh năm 1982 (vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp của chị H1: Anh Quách Thanh T2 là người đại diện theo ủy quyền của chị H1, văn bản ủy quyền ngày 11/01/2016 (có mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Khóm 1, thị t, huyện T, tỉnh C ..

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đặng Văn D, sinh năm 1963 (có mặt);

2. Bà Diệp Thị N2, sinh năm 1962 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp H, xã B, huyện T, tỉnh C ..

3. Ông Đào Hữu H2 (vắng mặt);

4. Bà Võ Kim H3, sinh năm 1955 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Khóm 1, thị t, huyện T, tỉnh C ..

5. Anh Nguyễn Hoàng T6 (vắng mặt);

6. Chị Nguyễn Diễm H4 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Khóm 7, thị trấn T, huyện T, tỉnh C.

7. Ông Nguyễn Phú T7 (vắng mặt);

8. Chị Nguyễn Ngọc N4 (vắng mặt);

9. Chị Nguyễn Ngọc N5 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Khóm 1, thị t, huyện T, tỉnh C ..

10. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh C.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lý Minh Vững - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Thới B, tỉnh Cà Mau

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện T: Ông Nguyễn Hoàng A (Văn bản ủy quyền ngày 07/3/2023) (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh C ..

- *Người kháng cáo*: Bà Dương Thanh T1 là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, ông Huỳnh Ngọc N1, bà Dương Thanh T1 trình bày:

Năm 1985, Nhà nước giải tỏa nhà của bà Đặng Thị Tưởng mẹ ông N1. Do gia đình ông N1 có nhiều thế hệ, 08 nhân khẩu nên ngày 04/3/1986 ông N1 có xin

Nhà nước cấp một phần đất để cất nhà ở tại khóm 1, thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau (hiện tại đang tranh chấp), được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Thới Bình thời điểm này chấp nhận cho đất cất nhà để ở. Gia đình bà Tưởng được cấp hai nền nhà: Bà Tưởng một nền và ông N1 một nền. Năm 1990, ông N1 kê khai sổ mục kê đất ruộng với diện tích 690m^2, thuộc thửa số 47, tờ bản đồ số 04, nhưng thực tế ông N1 chỉ bồi đắp nền nhà và cất nhà diện tích 174m^2 (ngang 6m, dài 29m). Ông N1 ở đến năm 1992 thì không ở nữa nên ông N1 có cho bà Bé (là mẹ ruột của chị H1) mượn căn nhà trên đất để ở tạm. Đến năm 1997, ông N1 có yêu cầu bà Bé trả nhà, đất nhưng bà Bé không trả. Ông N1 có yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết nhưng không thành, hiện các đơn yêu cầu giải quyết đều bị thất lạc. Năm 2009, bà Bé mất thì chị H1, anh T2 tiếp tục ở trên đất. Năm 2012 anh T2 tự ý kê khai sổ mục kê đối với phần đất nêu trên. Hiện tại ông D, bà N2 đang ở trên đất.

Ông N1, bà T1 yêu cầu anh T2, trả lại phần đất có chiều ngang 6m, dài 29m, diện tích 174m^2 thuộc thửa số 47, tờ bản đồ số 04, tại khóm 1, thị trấn Thới Bình, Thới Bình, Cà Mau. Về thành quả lao động trên đất tranh chấp, bà T1, anh V, anh N3, chị T5 thống nhất mua lại với số tiền 400.000.000 đồng.

Bị đơn, anh Quách Thanh T2 trình bày:

Phần đất tranh chấp là của ông Nguyễn Phú Hiểu ông nội vợ của anh. Sau đó, ông nội cho lại cha mẹ vợ anh là ông Nguyễn Phú T7, bà Dương Ngọc Loan (tên khác là Bé). Trước năm 1985, bà Loan có cho ông Đào Hữu H2 mượn đất cất nhà ở tạm. Đến năm 2000, ông H2 trả lại đất. Cha mẹ vợ cho vợ chồng anh cất nhà cơ bản trên đất và ở ổn định cho đến nay. Phần đất này anh đã đăng ký kê khai, nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích đất thực tế vợ chồng anh quản lý, sử dụng và cất nhà là ngang 6m, dài 12m.

Năm 2013, vợ chồng anh có cầm cố đất và nhà cho ông D, bà N2 với giá 400.000.000 đồng, hai bên có lập hợp đồng. Sau đó, vợ chồng anh đã chuyển nhượng luôn phần đất này cho ông D, bà N2 với giá 800.000.000 đồng. Anh không thống nhất trả lại đất theo yêu cầu của ông N1, bà T1.

Bị đơn, Chị Nguyễn Ngọc H1 trình bày: Chị thống nhất với lời trình bày của anh T2.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Đặng Văn D, bà Diệp Thị N2 trình bày:

Ngày 20/8/2013, anh T2, chị H1 có cố cho ông bà nhà và đất chiều ngang 06m, chiều dài 14 (chưa đo đạc), tọa lạc tại khóm 1, thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau với số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn cố là 03 năm.

Đến ngày 16/9/2014, anh T2, chị H1 chuyển nhượng toàn bộ nhà và đất trên cho ông bà với số tiền là 800.000.000 đồng.

Nay, ông N1, bà T1 yêu cầu đòi đất, ông bà có ý kiến như sau:

Nếu việc giải quyết vụ án có ảnh hưởng đến quyền lợi của vợ chồng ông và giao dịch chuyển nhượng đất giữa vợ chồng ông với vợ chồng anh T2, chị H1 thì vợ chồng ông yêu cầu công nhận giao dịch chuyển nhượng đất giữa vợ chồng ông với vợ chồng anh T2, chị H1. Trường hợp không công nhận thì yêu cầu xử lý hậu quả của giao dịch theo quy định của pháp luật.

Nếu việc giải quyết vụ án không có ảnh hưởng đến quyền lợi của vợ chồng ông và giao dịch chuyển nhượng đất giữa vợ chồng ông với vợ chồng anh T2, chị H1 thì ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết giao dịch giữa ông bà với anh T2, chị H1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Võ Kim H3 trình bày:

Cách đây khoảng 20 năm, bà Loan có kêu bà và chồng bà là ông H2 về cất nhà ở trên phần đất hiện đang tranh chấp giữa ông N1 và anh T2. Khi bà về ở, đất không có nhà, đang trồng chuối, khoai mì. Vợ chồng bà bồi đắp 400 bao đất để đắp nền nhà (Giá 4000 đồng/bao) vợ chồng bà ở được 07 năm thì bà Loan yêu cầu di dời trả đất cho bà Loan. Khi vợ chồng bà di dời nhà trả đất, bà Loan không có trả lại tiền công bồi đắp cho vợ chồng bà. Đối với công bồi đắp, vợ chồng bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 65/2022/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Ngọc N1, bà Dương Thanh T1 về việc yêu cầu anh Quách Thanh T2, chị Nguyễn Ngọc H1 trả lại phần đất diện tích theo đo đạc thực tế là 120,2m^2 tại khóm 1, thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Buộc anh T2, chị H1 giao lại cho bà T1, anh V, anh N3, chị T5 số tiền bồi đắp là 20.000.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03/10/2022, bà Dương Thanh T1 có đơn kháng yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thuỷ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà T1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phần tranh luận tại phiên toà:

Luật sư Nguyễn Văn Nuôi tranh luận: Ông Huỳnh Ngọc N1 có đơn xin cấp đất để ở và được Ủy ban nhân dân thị trấn Thới Bình xét cấp đất cho ông N1. Ông N1 đã sử dụng đất từ năm 1986 đến năm 1992. Khi ông N1 bỏ đi thì có biết bà Loạn (tên gọi khác: Bé) vào sử dụng đất thì có yêu cầu bà Bé trả lại nhưng bà Bé không trả nhưng có khó khăn về kinh tế nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Năm 2015, ông N1, bà T1 yêu cầu Ủy ban nhân dân thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau hòa giải không thành nên tranh chấp đến nay. Tại Biên bản hòa giải, ông T2 xác định cất nhà trên phần đất Nhà nước. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm; Sửa bản án sơ thẩm và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ông Huỳnh Hùng N3 tranh luận: Không tranh luận.

Ông Quách Thanh T2 tranh luận: Không tranh luận.

Ông Đặng Văn D tranh luận: Không tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bà Dương Thanh T1. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 65/2022/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của bà Dương Thanh T1, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Các đương sự tranh chấp quyền sử dụng phần đất diện tích 120,2 m^2, thuộc thửa số 126, tờ bản đồ số 39, tọa lạc tại khóm 1, thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

[2] Ông Huỳnh Ngọc N1, bà T1 cho rằng, ông N1 có làm đơn xin cấp đất cất nhà và được Ủy ban nhân dân thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau cấp đất cất nhà vào năm 1986. Tuy nhiên, tại Công văn số: 149/TNMT ngày 25 tháng 9 năm 2019, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xác nhận: Phần đất tranh chấp từ trước đến nay chưa có giao cho ai quản lý, sử dụng. Như vậy, Phần đất tranh chấp chưa được Nhà nước giao đất hợp pháp cho ông N1, bà T1.

[3] Xét quá trình sử dụng đất, theo những người hiểu biết ở tại địa phương như ông Phạm Minh Hồng, bà Lê Thị Đầm xác nhận: *Ông N1 được cấp đất vào khoảng năm 1986 đến năm 1990 do làm ăn thất bại nên bỏ đi nơi khác làm ăn. Bà Loan đến quản lý phần đất và đã cho ông H2, bà H4 mượn cất nhà ở. Năm 2000, bà Loan cho con là anh T2, chị H1 xây nhà ở ổn định cho đến nay*. Như vậy, ông N1 được Ủy ban nhân dân thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình cho phép sử dụng

đất để ở nhưng ông N1 chỉ ở trên đất một thời gian ngắn do điều kiện kinh tế khó khăn đã đi nơi khác sinh sống. Bà T1 cho rằng năm 1992, bà T1, ông N1 cho bà Loan mượn đất nhưng không có gì chứng minh. Bị đơn không thừa nhận có mượn đất của nguyên đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thừa nhận bỏ đất năm 1992, có tới lui thăm nom và không có cho bà Loan mượn đất. Do đó, bà Loan không có mượn đất của ông N1, bà T1. Như vậy, ông N1 xin Ủy ban nhân dân thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình cấp cho một phần đất với mục đích để ở nhưng từ năm 1992, ông N1 đã đi nơi khác sinh sống bỏ đất trống không giao cho ai sử dụng là không có nhu cầu sử dụng đất. Trong khi, bà Loan đã sử dụng đất từ năm 1992 thông qua việc cho ông H2, bà H4 mượn đất. Năm 2000, bà Loan đã lấy lại đất cho con là anh T2, chị H1 sinh sống và anh T2 đã đăng ký kê khai với nhà nước từ năm 2012 là có nhu cầu sử dụng đất.

[4] Xét việc thực hiện quyền của người có quyền sử dụng đất, ông N1, bà T1 trình bày khi phát hiện bà Bé sử dụng đất có yêu cầu chính quyền giải quyết vào năm 1997. Lời trình bày này không có văn bản chứng minh. Hơn nữa, ông Tô Thanh Hà là người công tác tại địa phương từ năm 1993 – 1997 trình bày: Không nhớ có giải quyết tranh chấp đất giữa ông N1 với bà Loan hay không. Như vậy, ông N1 có sử dụng đất một thời gian theo chính bà T1, ông N1 thừa nhận ở từ năm 1986-1992 không thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất là đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi bỏ đi, ông N1 không có gửi đất lại cho ai nên bà Loan vào ở trên đất, cho ông H2 ở nhờ. Năm 2000, bà Loan cho con là anh T2, chị H1 xây dựng nhà cơ bản để ở nhưng ông N1, bà T1 không có ý kiến gì. Đến năm 2015, ông N1, bà T1 mới kiện đòi lại đất là không có cơ sở chấp nhận. Án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[5] Tại cấp sơ thẩm, ông Đặng Văn D có yêu cầu độc lập, có nộp tạm ứng án phí và xác định không vi phạm quyền lợi nên không yêu cầu giải quyết nhưng án sơ thẩm lại tuyên không xem xét yêu cầu độc lập của ông D là không chính xác. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông D xác định là ông rút đơn yêu cầu độc lập nên Hội đồng xét xử điều chỉnh cách tuyên án: Đình chỉ xét xử yêu cầu độc lập của ông Đặng Văn D để phù hợp với yêu cầu của ông D.

[6] Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án sơ thẩm. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ như nhận định trên.

[7] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Dương Thanh T1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 65/2022/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Hội đồng xét xử phúc thẩm có điều chỉnh cách tuyên án để dễ thi hành án.

[8] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Dương Thanh T1 đã trên 60 tuổi và có yêu cầu miễn án phí nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Dương Thanh T1.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 65/2022/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Ngọc N1, bà Dương Thanh T1 về việc yêu cầu anh Quách Thanh T2 (Quách Văn T2), chị Nguyễn Ngọc H1 trả lại phần đất diện tích theo đo đạc thực tế là 120,2m^2, tọa lạc tại khóm 1, thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

2. Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Đặng Văn D yêu cầu đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh Quách Thanh T2(Quách Văn T2), chị Nguyễn Ngọc H1 với ông D, bà Diệp Thị N2.

3. Về thành quả lao động có trên phần đất tranh chấp: Buộc anh Quách Thanh T2(Quách Văn T2), chị Nguyễn Ngọc H1 trả cho bà Dương Thanh T1, anh Huỳnh Hùng V, anh Huỳnh Hùng N3, chị Huỳnh Thuỳ T5 số tiền 20.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên, người phải thi hành án còn phải chịu lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Chi phí tố tụng: Bà Dương Thanh T1, anh Huỳnh Hùng V, anh Huỳnh Hùng N3, chị Huỳnh Thuỳ T5 tự chịu số tiền 8.049.000 đồng (đã nộp xong).

5. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Dương Thanh T1, anh Huỳnh Hùng V, anh Huỳnh Hùng N3, chị Huỳnh Thuỳ Trang phải chịu án phí số tiền 18.030.000 đồng. Ngày 18/11/2015, ông Huỳnh Ngọc N1, bà Dương Thanh T1 nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số tiền 10.000.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 03082 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình được đối trừ; bà Dương Thanh T1, anh Huỳnh Hùng V, anh Huỳnh Hùng N3, chị Huỳnh Thuỳ Trang còn phải nộp tiếp số tiền 8.030.000 đồng.

Ông Đặng Văn D, bà Diệp Thị N2 không phải chịu án phi, ngày 11/8/2022 ông D, bà N2 đã dự nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015176 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Bình được nhận lại.

6. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Dương Thanh T1 được miễn án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Minh Trung